

**TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 04 – 8 – 2022  
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Ly

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Bà Võ Tuyết Kha
2. Ông Huỳnh Quốc Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án N dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mộng C, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Vưu Bé N, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Mộng C trình bày:*

Về hôn N: Chị và anh N có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân thị trấn Phước Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2005. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 10/2021 đến nay vợ chồng mâu thuẫn, sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 người con chung là Vuư Khánh L, sinh ngày 21/3/2006 và Vuư Thành D, sinh ngày 27/8/2014, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Vuư Bé N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn N: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014, cho chị C được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: Tiếp tục giao Vuư Khánh L, sinh ngày 21/3/2006 và Vuư Thành D, sinh ngày 27/8/2014 cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, anh N đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án N dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị C và anh N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn N: Chị C và anh N tự nguyện sống chung từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn N giữa chị C và anh N là hôn N hợp pháp. Tuy nhiên, chị C và anh N đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn N và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị C và anh N không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn N, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh N vẫn không đến, như vậy anh N đã bỏ mặc quan hệ hôn N này. Từ đó

cho thấy hôn N của chị C và anh N đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị C thì chị C và anh N có hai người con chung là Vưu Khánh L, sinh ngày 21/3/2006 và Vưu Thành D, sinh ngày 27/8/2014. Anh N đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi hai người con chung của chị C nhưng anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C. Xét thấy, cháu L và cháu D sống cùng với chị C từ khi ly thân đến nay, hiện các cháu phát triển tốt, chị C có đủ điều kiện nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 11/3/2022 cháu L và cháu D đều có nguyện vọng sống cùng với chị C. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn N và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C: Giao cháu Vưu Khánh L, sinh ngày 21/3/2006 và Vưu Thành D, sinh ngày 27/8/2014 cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn N: Cho chị Phạm Thị Mộng C ly hôn anh Vưu Bé N.
2. Về con chung: Giao cháu Vưu Khánh L, sinh ngày 21/3/2006 và Vưu Thành D, sinh ngày 27/8/2014 cho chị Phạm Thị Mộng C được tiếp tục trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vuur Bé N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Mộng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị C đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005043 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Vuur Bé N không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**